

Bản án số: 236/2020/HS-ST
Ngày: 04-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 216/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Ngọc H** - sinh năm 1986 tại: Tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Q, xã P, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 34/547 đường Đ, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang K và bà Trần Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-4-2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 13-4-2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Lê Minh Q1, anh Lã Anh D (không triệu tập tới phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 04-4-2020, tổ công tác của đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực đầu ngõ 1 đường Q, phường N, thành phố Đ phát hiện Lê Ngọc H đang điều khiển xe máy biển kiểm soát: 18B1-337.55 một mình có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ ở cạp quần phía trước bụng của H đang mặc 01 túi nilong màu đen. Tổ công tác đã mời người làm chứng mở kiểm tra bên trong túi nilong màu đen là 01 túi nilong màu trắng kích thước khoảng 05x10cm, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (H khai đó là Heroine mang đi bán kiếm lời). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng ký hiệu M, đưa H cùng người làm chứng về trụ sở Công an thành phố Nam Định lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của H: 01 xe máy biển kiểm soát: 18B1-337.55, 01 điện thoại di động Mastel màu đen và số tiền 600.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Ngọc H tại địa chỉ: Số 34/547 đường Đ, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định đã thu giữ trong ngăn tủ quần áo của H 01 túi nilong màu trắng kích thước khoảng 02x02cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Tổ công tác đã niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật ký hiệu là K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu giám định vật chứng thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 398/GĐKTTHS ngày 06-4-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong túi nilong màu trắng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại chất ma túy là Heroine; khối lượng mẫu M: 14,968 gam (mười bốn phẩy chín sáu tám gam). Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong túi nilong màu trắng được niêm phong ký hiệu K gửi giám định là ma túy, loại chất ma túy là Methamphetamine; khối lượng mẫu K: 0,856 gam (không phẩy tám năm sáu gam).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Lê Ngọc H khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như sau: Khoảng 19 giờ ngày 04-4-2020, Hoàn đi xe máy biển kiểm soát: 18B1-337.55 một mình từ chỗ ở tại địa chỉ: Số 34/547 đường Đ, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định đến nhà S (là vợ của H) ở tổ 1, Q, xã P, thành phố Nam Định. Tại đó, S đưa cho H số tiền 14.500.000 đồng để mua ma túy, trong đó có 500.000 đồng là tiền công S trả cho H. H đồng ý và nhận tiền S đưa. Sau đó, H một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát: 18B1-337.55 đến ngã tư đường 10 – L, phường X, thành phố Đ gặp và mua của một người phụ nữ (không rõ lai lịch, địa chỉ) 01 túi Heroine được đựng trong túi nilong màu trắng kích thước khoảng 05x10cm với giá 14.000.000 đồng. H cầm gói ma túy người phụ nữ đó đưa và cho vào túi nilong màu đen rồi cất vào cạp quần phía trước bụng H đang mặc rồi quay về. Khi H đi đến đầu ngõ 1 đường Q, phường N, thành phố Đ thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên. Về nguồn gốc gói ma túy đựng trong túi nilong màu trắng kích thước 02x02cm thu tại ngăn kéo tủ quần áo nơi H ở như sau: H mua túi ma túy trên của một người phụ nữ ở đường L, thành phố Đ vào khoảng 10 giờ ngày

03-4-2020 với giá 400.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên chưa kịp sử dụng thì bị thu giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã tiến hành triệu tập Trịnh Thị S, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 1, Q, xã P, thành phố Đ để làm việc và tiến hành đối chất giữa H và S. Tuy nhiên, do Trịnh Thị S bị liệt, không đi lại được, sức khỏe rất yếu nên không thể đến cơ quan điều tra làm việc. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của S: S khai Lê Ngọc H là cháu của S. Tối ngày 04-4-2020, S ở nhà cùng con gái, S không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy của H.

Đối với Trịnh Thị S và đối tượng đã bán ma túy cho Lê Ngọc H, tài liệu cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên đã tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-337.55, Lê Ngọc H mượn của em họ là anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 09/01 đường Q, phường N, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Do anh Hoàng Văn T không biết việc Lê Ngọc H mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn T.

Bản cáo trạng số 218/CT-VKSTPNĐ ngày 03-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Lê Ngọc H tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm i khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Lê Ngọc H từ 09 năm tù đến 09 năm 06 tháng tù đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; phạt bị cáo Lê Ngọc H từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Ngọc H nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Ngọc H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 04-4-2020, tại khu vực đầu ngõ 1 đường Q, phường N, thành phố Đ, Lê Ngọc H đã có hành vi tàng trữ trái phép 14,968 gam Heroine mục đích để bán kiếm lời thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi mua bán ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Lê Ngọc H còn tàng trữ tại nơi ở của H số 34/547 đường Đ, phường V, thành phố Đ 0,856 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng nên bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Ngọc H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét khối lượng ma túy bị cáo Lê Ngọc H tàng trữ để sử dụng và để bán kiếm lời tương đối lớn nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc trong khung hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phạm hai tội nên cần căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Lê Ngọc H tàng trữ ma túy mục đích để bán kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Số ma túy đã thu giữ của bị cáo Lê Ngọc H là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Ngọc H là tiền công mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động Mastel màu đen (đã cũ) và số tiền 100.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Lê Ngọc H, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Lê Ngọc H, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc H 10 năm tù (mười năm tù) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm tù (hai năm tù) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Lê Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 12 năm tù (mười hai năm tù).

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04-4-2020.

2. Hình phạt bổ sung:

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Lê Ngọc H 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc H: 01 (một) chiếc điện thoại di động Mastel màu đen và số tiền 100.000 đồng, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-6-2020).

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Lê Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Ngọc H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

